

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02 - 2023
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Phước Tân;
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 483/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST ngày 17 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị C, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 14, ấp VH, xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Sơn C1, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 14, ấp VH, xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị C có mặt, ông Sơn C1 vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị C và ông Sơn C1 tự tìm hiểu, quen biết và tiến đến hôn nhân vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và

được Ủy ban nhân dân xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 25 ngày 12/5/2003 (theo bản sao Trích lục kết hôn số 1864/TLKH-BS ngày 20/10/2022).

Quá trình chung sống, bà C và ông C1 chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông C1 không chăm lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu, có lời nói xúc phạm và có hành vi bạo lực gia đình đối với bà C. Đến năm 2020 thì bà C và ông C1 sống ly thân, nguyên nhân là do ông C1 bỏ đi làm ăn xa, thời gian đầu thì có liên lạc với gia đình, nhưng về sau thì ông C1 không liên lạc, cũng không trở về nhà thăm gia đình. Do ly thân đã lâu, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông C1.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà C và ông C1 có 02 (hai) con chung tên: Sơn H, sinh ngày 06/01/2002 và Sơn Cát T, sinh ngày 12/12/2015. Hiện tại cháu Sơn H đã trưởng thành, khỏe mạnh và có thể sống tự lập nên bà C không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với cháu Sơn Cát T hiện đang sinh sống với bà C, bà C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Bà C còn cho biết, hiện nay bà C có nghề nghiệp là mua bán, bỏ mỗi hôm nước ngọt nên có thu nhập ổn định, có khả năng tự nuôi con. Riêng ông C1 từ trước đến nay chỉ phụ giúp bà buôn bán, không có nghề nghiệp ổn định nên bà C không yêu cầu ông C1 cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông C1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 01/12/2022 nhưng ông C1 vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông C1 và ông C1 cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà C.

Ngày 01/12/2022, bà Phan Thị C có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải. Ngoài ra, bà C xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử theo đơn yêu cầu đề ngày 10/01/2023.

Tại phiên tòa,

Bà Phan Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà Phan Thị C giao nộp: Bản sao Giấy trích lục kết hôn; bản sao căn cước công dân mang tên Phan Thị C; bản sao Giấy khai sinh mang tên Sơn Cát T, Sơn H; bản chính bản tự khai mang tên Phan Thị C; bản chính Đơn yêu cầu ngày 01/12/2022; bản chính Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 10/01/2023.

Tài liệu, chứng cứ do ông Sơn C1 giao nộp: Không có.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 20/02/2023 tại Công an xã VHĐ, huyện AP; biên bản ghi nhận ý kiến người làm chứng bà

Trần Thị N ngày 10/01/2023; biên bản ghi nhận ý kiến cháu Sơn Cát T ngày 10/01/2023.

Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 10/01/2023, bà Trần Thị N cho biết: Bà Phan Thị C và ông Sơn C1 chung sống không hạnh phúc, được gia đình hòa giải nhiều lần, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì bà N không rõ. Bà C và ông C1 chung sống có 02 con chung tên Sơn H và Sơn Cát T. Bà N là người nhận thay ông C1 các văn bản tố tụng của Tòa án và xác nhận đều có thông báo cho ông C1 biết.

Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 10/01/2023, cháu Sơn Cát T có nguyện vọng được chung sống với bà Phan Thị C.

Theo biên bản xác minh ngày 20/02/2023, đại diện Công an xã VHĐ, huyện AP cho biết: Ông Sơn C1, sinh năm 1980 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp VH, xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông C1 hiện nay không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Sơn C1 vắng mặt lần thứ hai không lý do, bà Phan Thị C có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà Phan Thị C và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà C và ông C1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C. Về con chung: Bà C được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Sơn Cát T, sinh ngày 12/12/2015, ông C1 không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà C khai không có nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị C khởi kiện xin ly hôn với ông Sơn C1, yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn ông Sơn C1 có đăng ký hộ khẩu thường trú ấp VH, xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang

theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Sơn C1 vắng mặt không lý do. Như vậy ông Sơn C1 đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Nguyên đơn bà Phan Thị C có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà Phan Thị C và ông Sơn C1 lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Quá trình chung sống, ông C1 thiếu trách nhiệm với gia đình, có lời nói xúc phạm và có hành vi bạo lực gia đình với bà C. Quá trình sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, cả hai đã không hàn gắn tình cảm, gia đình hai bên cũng nhiều lần động viên, hòa giải cho cả hai nhưng bà C và ông C1 cũng không thể hàn gắn tình cảm. Điều này đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà C và ông C1 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà Phan Thị C, nguyện vọng của con chung. Để đảm bảo sự ổn định tâm sinh lý và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà C được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Sơn Cát T, sinh ngày 12/12/2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà C về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà C vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về việc không yêu cầu ông C1 cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà C trong việc không yêu cầu ông C1 cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Sơn C1 cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Phan Thị C. Ngược lại, bà Phan Thị C cùng các

thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Sơn C1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Tuy nhiên, nếu sau này ông Sơn C1 có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Phan Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Sơn C1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị C và ông Sơn C1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị C được ly hôn với ông Sơn C1.

2. Về con chung: Bà Phan Thị C được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Sơn Cát T, sinh ngày 12/12/2015. Ông Sơn C1 không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Sơn C1 cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Phan Thị C. Ngược lại, bà Phan Thị C cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Sơn C1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Phan Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này

được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007906 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Sơn C1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Phan Thị C, vắng mặt ông Sơn C1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phan Thị C có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng ông Sơn C1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 12/5/2003 của Ủy ban nhân dân xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho bà Phan Thị C và ông Sơn C1 (theo bản sao Trích lục kết hôn số 1864/TLKH-BS ngày 20/10/2022) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã VHĐ, huyện AP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuấn